| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 117/2025/DS-ST.
Ngày: 26-9-2025
*V/v tranh chấp nợ hụi*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thái Tín Hiền

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2025/TLST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp nợ hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ong Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: khóm K, phường K, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: khóm K, phường K, thị xã V, Sóc Trăng); (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị D, sinh năm 1985; Địa chỉ: khóm K, phường K, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: khóm K, phường K, thị xã V, Sóc Trăng); (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2025 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ong Thị T trình bày:* Vào ngày 15/10/2023 (ÂL), bà T có tham gia chơi 01 chân hụi với số tiền là 1.000.000 đồng do bà D làm chủ hụi, dây hụi có 31 người tham gia, 01 tháng khui hụi 02 lần, dây hụi kết thúc vào ngày 15/01/2025. Khi mãn hụi bà D còn nợ bà T 20.000.000 đồng, bà D có viết số tiền hụi còn thiếu vào tờ giấy ghi danh sách hụi viên và bà D hứa gom hụi thêm vài ngày sẽ trả hết cho bà T đủ số tiền còn lại nhưng đến nay vẫn chưa trả, bà T liên hệ nhiều lần thì vợ chồng bà D thách thức đi thưa, bà D không trả nợ hụi mà còn sử dụng số tiền đó để xây dựng nhà.

Nay tại phiên tòa bà Ong Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả tổng cộng số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) cho bà T và không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 135/TB-TLVA ngày 09 tháng 5 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Trần Thị D và bà D đã nhận trực tiếp thông báo thụ lý của Tòa án nhưng bà D không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bị đơn D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của bị đơn, không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà D biết, đồng thời Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà D cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn bà Trần Thị D nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà D theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Ong Thị T có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị D làm chủ hụi. Khi hụi mãn thì bà D còn nợ tiền hụi của bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp nợ hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nay là khóm K, phường K, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã xác định được như sau:

[4.1] Vào ngày 15/10/2023 (ÂL), bà T có tham gia chơi 01 chân hụi với số tiền là 1.000.000 đồng do bà D làm chủ hụi, dây hụi có 31 người tham gia, 01 tháng khui hụi 02 lần, dây hụi kết thúc vào ngày 15/01/2025. Khi mãn hụi bà D còn nợ bà T 20.000.000 đồng.

[4.2] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà D là hoàn toàn tự nguyện của hai bên được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và số tiền nợ hụi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà D đều biết về yêu cầu khởi kiện của bà T và số tiền nợ hụi còn nợ, nhưng bà D vẫn không có ý kiến trình bày hay yêu cầu phản tố mặc nhiên hai bên đã thừa nhận nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Tòa án công nhận hợp đồng góp hụi giữa bà T với bà D là có thật và hợp pháp.

[4.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên được quy định tại Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Ngược lại sau khi bà T đóng hụi, khi hụi mãn thì bà D còn nợ lại bà T 20.000.000 đồng chưa có trả cho bà T là đã không thực hiện đúng theo những thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận, như vậy bà D là người vi phạm hợp đồng được quy định tại Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Điều 17, Điều 20, của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[4.4] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ong Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị D phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468; Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 23; Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị T đối với bị đơn bà Trần Thị Diễm .

Buộc bà Trần Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ong Thị T số tiền nợ hụi là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ong Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị D phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Trần Thị Diễm P chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Bà Ong Thị T không phải chịu án phí, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001631ngày 09/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Nay là Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐTTKT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS TP Cần Thơ (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Chiêu Hùng**